

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 09 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ánh Dương

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Diêm Đăng Hoạt.

2. Ông Ngụy Văn Tuệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên .

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/HSST, ngày 29 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/HSST- QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

*** *Họ và tên: Tạ Văn Đ, sinh năm 1989***

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn T, xã D, huyện P, tỉnh T.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Con ông: Tạ Văn S -sinh năm 1963.

- Con bà: Lô Thị H- sinh năm 1965

- Vợ: Nguyễn Thị Thu T- sinh năm 1993

- Bị cáo có hai con: Con lớn sinh năm 2012; con nhỏ sinh năm 2014.

- Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Dương Quang L- sinh năm 1989 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Đồng T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Anh Ngô Văn V- sinh năm 1992 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B.

*** Người làm chứng :**

- Anh Ngô Quang N- sinh năm 1991(Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Anh Trần Văn K- sinh năm 1974(Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút ngày 18/12/2017 tại khu vực cầu C thuộc thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt quả tang Tạ Văn Đ- sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã D, huyện P, tỉnh T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

01 gói giấy bạc, cả hai mặt đều có màu trắng bạc bên trong đựng chất cục bột màu trắng (thu tại túi phía trước bên phải áo khoác của T đang mặc), được niêm phong trong phong bì thư dán kín ký hiệu “QT”

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster N668 loại máy một thân có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt (thu tại túi quần Tạ Văn Điệp đang mặc).

01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Z1-5746, số khung RLCE 1S9067007182, số máy 1S94007182. (BL: 10; 11)

Cùng ngày 18/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T có Quyết định trưng cầu giám định số 23, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh B giám định chất bột màu trắng được niêm phong trong bì thư có ký hiệu “QT” có phải chất ma túy không? Nếu là chất ma túy thì là loại ma túy gì? có khối lượng bao nhiêu?.

Tại Kết luận giám định số 1955/KL-PC54 ngày 19/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

“Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc là chất ma túy Heroine có trọng lượng 0,249 gam”. (BL: 15)

Quá trình điều tra, Tạ Văn Đ khai nhận về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ khi bắt quả tang cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 18/12/2017, khi Dương Quang L- sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã L, huyện T (là bạn của Đ) đang chơi ở nhà Đ thì Đ rủ L đến nhà Ngô Văn V- sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B (là bạn của Đ) chơi, L đồng ý. Ngay sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Z1-5746 của L chở L đi từ nhà Đ đến nhà V. Khi đến nhà V, Đ và L vào bên trong nhà Đ ngồi chơi nói chuyện với Đ tại bàn uống nước. Khoảng 05 phút sau, Đ và V đi ra sân nhà V bàn nhau mỗi người góp 100.000 đồng mua ma túy về sử dụng. Đ lấy từ bên trong túi quần ra 100.000 đồng đưa cho V, V cầm tiền Đ đưa cho rồi đi vào bên trong nhà hỏi mượn xe mô tô của L để V chở Đ đi thị trấn N có việc và bảo L ngồi ở nhà V đợi. Sau khi L đưa chìa khóa cho mượn, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Z1-5746 chở Đ đi tìm mua ma túy. V điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến khu vực C, xã N, huyện T thì V dừng xe lại và gọi điện thoại cho một người (Đ không biết là ai) và nói: “Anh còn hàng không để em hai trăm”. Khoảng 03 phút sau có một người đàn ông khoảng 30 tuổi dáng người cao, gầy điều khiển xe mô tô (Đ không nhớ biển kiểm soát) đến, V xuống xe lấy 200.000 đồng trong túi ra đưa cho người đàn ông này, người đàn ông cầm tiền V đưa cho rồi đưa lại cho V một gói ma túy được gói bằng giấy bạc màu trắng. V đưa gói ma túy vừa mua được đưa cho Đ, Đ cầm gói ma túy V đưa cho đút vào bên trong túi phía trước bên phải áo khoác của Đ đang mặc rồi ngồi lên phía sau xe mô tô để V điều khiển chở quay về nhà V. V điều khiển xe mô tô chở Đ về đến khu vực phố T, xã L, huyện T thì thấy anh Ngô Quang N- sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã L, huyện T đang đi bộ ở rìa đường, vẫy tay xin đi nhờ, V dừng xe lại cho anh N ngồi lên phía sau xe mô tô cùng Đ rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi V điều khiển xe mô tô đi đến khu vực cầu C thuộc thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B thì V dừng xe mô tô lại, dựng xe ở rìa đường, bảo Đ và anh N đứng chờ, còn V đi vào trong quán bán hàng tạp hóa ở ven đường mua thuốc lá. Khi V vừa đi thì lực lượng Công an huyện T đến tiến hành kiểm tra, phát hiện Đ cất giấu ma túy trên người nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan. Khi thấy Đ bị Công an bắt, V đã bỏ trốn. (BL: 70-72; 76-83)

Căn cứ vào lời khai của Tạ Văn Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành lấy lời khai của Ngô Văn V và cho V đối chất với Đ nhưng V không thừa nhận việc V góp tiền với Đ và gọi điện thoại liên lạc để mua ma túy như Đ đã khai. Theo lời khai của V thì khi được Đ rủ đi xã N chơi, V đã mượn xe mô tô của Dương Quang L rồi điều khiển chiếc xe mô tô này chở Đ đi chơi. Khi đi đến khu vực C, xã N, huyện T thì Đ bảo V dừng xe lại, sau đó Đ gọi điện thoại liên lạc với ai đó, một lúc sau có một người đàn ông điều khiển xe mô tô đến đưa cho Đ một gói gì đó và Đ đưa cho người đàn ông đó 200.000 đồng, sau đó Đ bảo V điều khiển xe mô tô chở Đ quay về nhà V. Ngoài lời khai của Đ ra không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh V đã tiền với Đ và gọi điện thoại liên lạc để mua ma túy như Đ đã khai nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với Ngô Văn V.

Khi cho V và Đ mượn xe mô tô, anh Nguyễn Quang L không biết việc Đ sẽ sử dụng xe mô tô đi mua ma túy; khi đi nhờ xe mô tô, anh Ngô Quang N không biết Đ cất giấu ma túy trong người nên anh L và anh N không vi phạm pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đ, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh qua Công an xã N, huyện T xác định: tại khu vực C, xã N, huyện T không có đối tượng nào có đặc điểm như Đ đã khai có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ xem xét xử lý sau:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Z1- 5746 thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe anh Nguyễn Quang L mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở thành phố H với giá 1.000.000 đồng vào năm 2015. Do xe không có đăng ký nên Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định số khung, số máy của chiếc xe mô tô này. Kết quả giám định xác định số máy, số khung của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Z1- 5746 đã bị tẩy xóa, đóng đục lại, không xác định được số máy, số khung nguyên thủy, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách chiếc xe mô tô này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster N668 loại máy một thân mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt thu giữ của Tạ Văn Đ là điện thoại của Đ, Đ không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Tạ Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số: 09/CT-VKS, ngày 28/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Tạ Văn Đ về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Tạ Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn Đ từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/12/2017.
- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:
- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong dán kín có ký hiệu "QT" bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B và có chữ ký của Giám định viên, bên trong có 0,238 gam Hêrôine.

Trả lại bị cáo Tạ Văn Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster N668 loại máy một thân có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, là tài sản không liên quan việc phạm tội.

Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không phạt bổ sung bằng tiền đối theo quy định tại khoản 5 Điều 249- BLHS với bị cáo và bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Tạ Văn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi mình là trái pháp luật. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Hồi 14 giờ 15 phút ngày 18/12/2017 tại khu vực cầu C thuộc thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt quả tang Tạ Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép 0,249 gam ma túy Hêrôine tại túi phía trước bên phải áo khoác Đ đang mặc.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kiểm điểm, bản tường trình và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật chứng là: 0,249gam ma túy Hêrôine và kết quả giám định vật chứng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Tạ Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 01 Điều 249 của BLHS. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng số: 09/CT-VKS, ngày 28/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm phạm sự độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Vi phạm nghiêm trọng luật phòng chống ma túy. Ma túy là hiểm họa cho đời sống cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và là nguy cơ lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm như HIV, AIDS. Pháp luật đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo đã tiếp tay cho việc tiêu thụ ma túy. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo cho việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với thời hạn nhất định để bị cáo có điều

kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự. Ông nội bị cáo là Tạ Bích M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Nên áp dụng tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249- BLHS đối với bị cáo và bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về xử lý vật chứng là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS xử lý như sau:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư được niêm phong dán kín có ký hiệu “QT” bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B và có chữ ký của Giám định viên, bên trong có 0,238 gam Hêrôine.

Trả lại bị cáo Tạ Văn Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster N668 loại máy một thân có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt là tài sản không liên quan việc phạm tội.

[6] Đối với anh Ngô Văn V đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành lấy lời khai và cho anh V đối chất với Tạ Văn Đ nhưng anh V không thừa nhận việc anh V góp tiền với Đ và gọi điện thoại liên lạc để mua ma túy như Đ đã khai. Kiểm tra điện thoại của Đ không có thông tin cuộc gọi đi, đến và cuộc gọi nhờ, anh Việt không có điện thoại và không gọi điện thoại cho ai. Ngoài lời khai của Đ ra không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh V đã góp tiền với Đ và gọi điện thoại liên lạc để mua ma túy như Đ đã khai nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với anh Ngô Văn V.

Khi cho Ngô Văn V và Tạ Văn Đ mượn xe mô tô, anh Nguyễn Quang L không biết việc Đ sẽ sử dụng xe mô tô đi mua ma túy; khi đi nhờ xe mô tô, anh Ngô Quang N không biết Đ cất giấu ma túy trong người nên anh L và anh N không vi phạm pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Tạ Văn Đ, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh qua Công an xã N, huyện T xác định: tại khu vực C, xã N, huyện T không có đối tượng nào có đặc điểm như Đ đã khai có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ xem xét xử lý sau là đúng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Z1- 5746 thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe anh Nguyễn Quang L mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở thành phố H với giá 1.000.000 đồng vào năm 2015. Do xe không có đăng ký nên Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định số khung, số máy của chiếc xe mô tô này. Kết quả giám định xác định số máy, số khung của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Z1- 5746 đã bị tẩy xóa, đóng đục lại, không xác định được số máy, số khung nguyên thủy, do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách chiếc xe mô tô này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
 2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:
 - Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn Đ 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/12/2017.
 3. Áp dụng điểm c khoản 1 , khoản 2 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:
 - Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong dán kín có ký hiệu “QT” bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B và có chữ ký của Giám định viên, bên trong có 0,238 gam Hêrôine.
 - Trả lại bị cáo Tạ Văn Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster N668 loại máy một thân có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, là tài sản không liên quan việc phạm tội.
- (Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số: 09/QĐ – VKSTY, ngày 28/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).
4. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
 - Bị cáo Tạ Văn Đ thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.
 - Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.
- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa